Chi tiết mã HS 8206.00.00

Mã HS	8206.00.00
Mô tả hàng hóa	Bộ dụng cụ từ hai nhóm trở lên thuộc các nhóm từ 82.02 đến 82.05, đã đóng bộ để bán lẻ
Đơn vị	bộ
Thời điểm tạo	10/11/2026 06:24:58
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/82060000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K12534
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N12534
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q12534
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục C)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	10,9	10,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	14	14%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	18.5	18,5%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E11886
ATIGA	2022	2022	0	AT!E11829
ATIGA	2023	2023	0	AT!F11829
ATIGA	2024	2024	0	AT!G11829
ATIGA	2025	2025	0	AT!H11829
ATIGA	2026	2026	0	AT!I11829
ATIGA	2027	2027	0	AT!J11829
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E11881
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F11881

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G11881
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H11881
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I11881
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J11881
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E11882
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F11882
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G11882
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H11882
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I11882
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J11882
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F11885
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H11835
AIFTA	30/12/2022	2022	20	AI!F11841
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	19.5	AI!G11841
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	19	AI!H11841
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	18.5	AI!I11841
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	18.5	AI!J11841
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	18.5	AI!K11841
VKFTA	2022	2022	0	VK!E11874
VKFTA	2023	2023	0	VK!F11874
VKFTA	2024	2024	0	VK!G11874
VKFTA	2025	2025	0	VK!H11874
VKFTA	2026	2026	0	VK!I11874
VKFTA	2027	2027	0	VK!J11874
VCFTA	2022	2022	4	VC!D11919
VCFTA	2023	2023	2	VC!E11919

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F11919
VCFTA	2025	2025	0	VC!G11919
VCFTA	2026	2026	0	VC!H11919
VCFTA	2027	2027	0	VC!I11919
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D11904
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E11904
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F11904
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G11904
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H11904
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I11904
AHKFTA	2022	2022	12	AKH!D11904
AHKFTA	2023	2023	8	AKH!E11904
AHKFTA	2024	2024	8	AKH!F11904
AHKFTA	2025	2025	4	AKH!G11904
AHKFTA	2026	2026	4	AKH!H11904
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I11904
EVFTA	2022	2022	5	EV-NK!D11921
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E11921
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F11921
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G11921
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H11921
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I11921
UKVFTA	2022	2022	5	UKV!D11920
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E11920
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F11920
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G11920

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H11920
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I11920
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D11867
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E11867
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F11867
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G11867
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H11867
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I11867
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J11867
RCEP A	2022	2022	18	RCEPT-A!D11904
RCEP A	2023	2023	16	RCEPT-A!E11904
RCEP A	2024	2024	14	RCEPT-A!F11904
RCEP A	2025	2025	12	RCEPT-A!G11904
RCEP A	2026	2026	10	RCEPT-A!H11904
RCEP A	2027	2027	8	RCEPT-A!I11904
RCEP B	2022	2022	18	B!D11904
RCEP B	2023	2023	16	B!E11904
RCEP B	2024	2024	14	B!F11904
RCEP B	2025	2025	12	B!G11904
RCEP B	2026	2026	10	B!H11904
RCEP B	2027	2027	8	B!I11904
RCEP C	2022	2022	18	C!D11904
RCEP C	2023	2023	16	C!E11904
RCEP C	2024	2024	14	C!F11904
RCEP C	2025	2025	12	C!G11904
RCEP C	2026	2026	10	C!H11904

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	8	C!I11904
RCEP D	2022	2022	18,2	D!D11903
RCEP D	2023	2023	16,4	D!E11903
RCEP D	2024	2024	14,5	D!F11903
RCEP D	2025	2025	12,7	D!G11903
RCEP D	2026	2026	10,9	D!H11903
RCEP D	2027	2027	9,1	D!I11903
RCEP E	2022	2022	18	E!D11907
RCEP E	2023	2023	16	E!E11907
RCEP E	2024	2024	14	E!F11907
RCEP E	2025	2025	12	E!G11907
RCEP E	2026	2026	10	E!H11907
RCEP E	2027	2027	8	E!I11907
RCEP F	2022	2022	18	F!D11904
RCEP F	2023	2023	16	F!E11904
RCEP F	2024	2024	14	F!F11904
RCEP F	2025	2025	12	F!G11904
RCEP F	2026	2026	10	F!H11904
RCEP F	2027	2027	8	F!I11904
VIFTA	2024	2024	18	VI!F11009
VIFTA	2025	2025	16	VI!G11009
VIFTA	2026	2026	14	VI!H11009
VIFTA	2027	2027	12	VI!I11009

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8206.00.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 8206.00.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N12534), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.